

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ĐVT: VND

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2012)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2012)
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>239,447,562,226</b>	<b>226,500,130,285</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3,334,889,158</b>	<b>18,058,266,009</b>
1	Tiền	111	V.01	3,334,889,158	7,058,266,009
2	Các khoản tương đương tiền	112			11,000,000,000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02		
1	Đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>120,922,340,489</b>	<b>119,472,411,118</b>
1	Phải thu khách hàng	131		103,549,507,474	105,722,503,902
2	Trả trước cho người bán	132		14,955,689,069	11,130,739,027
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
	-Vốn lưu động				
	-Vốn cố định				
	- Phải thu nội bộ khác				
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134			
5	Các khoản phải thu khác	135	V.03	2,417,143,946	2,619,168,189
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>98,991,611,759</b>	<b>78,948,671,110</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	98,991,611,759	78,948,671,110
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16,198,720,820</b>	<b>10,020,782,048</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45,726,783	39,438,124
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		21,121,482	
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05		
5	Tài sản ngắn hạn khác	158		16,131,872,555	9,981,343,924
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>35,680,902,257</b>	<b>36,132,478,772</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4	Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15,725,501,883</b>	<b>16,172,748,213</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	10,926,031,883	11,400,548,213
	- Nguyên giá	222		18,334,612,724	18,334,612,724
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7,408,580,841)	(6,934,064,511)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
	- Nguyên giá	225			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4,611,200,000	4,611,200,000
	- Nguyên giá	228		4,611,200,000	4,611,200,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	188,270,000	161,000,000
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.12		
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)</b>	<b>250</b>		<b>18,300,000,000</b>	<b>18,300,000,000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10,300,000,000	10,300,000,000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8,000,000,000	8,000,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,655,400,374</b>	<b>1,659,730,559</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,650,400,374	1,654,730,559
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3	Tài sản dài hạn khác	268		5,000,000	5,000,000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>275,128,464,483</b>	<b>262,632,609,057</b>

	NGUỒN VỐN			SỐ CUỐI KỲ (31/03/2012)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2012)
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>204,356,097,689</b>	<b>194,162,516,278</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>199,696,585,867</b>	<b>190,792,685,646</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	61,365,509,951	62,200,643,938
2	Phải trả người bán	312		53,616,804,690	46,529,450,966
3	Người mua trả tiền trước	313		24,421,561,648	30,172,888,865
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	10,616,888,907	10,645,751,240
5	Phải trả người lao động	315		12,201,108,991	10,916,733,269
6	Chi phí phải trả	316	V.17	21,153,209,583	14,321,395,787
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	16,279,571,331	15,884,140,815
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			41,930,766	121,680,766
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,659,511,822</b>	<b>3,369,830,632</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	699,046,268	699,046,268
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	391,525,524	391,525,524
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	3,568,940,030	2,279,258,840
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400=410+430)</b>	<b>400</b>	V.24	<b>70,772,366,794</b>	<b>68,470,092,779</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>70,772,366,794</b>	<b>68,470,092,779</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
	- Vốn cố định				
	- Vốn lưu động			50,000,000,000	50,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		5,000,000,000	5,000,000,000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4,344,230,853	4,344,230,853
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		948,992,506	948,992,506
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10,479,143,435	8,176,869,420
	- Lợi nhuận năm trước			8,176,869,420	
	- Lợi nhuận năm nay			2,302,274,015	8,176,869,420
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1	Nguồn kinh phí	432	V.23		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>275,128,464,483</b>	<b>262,632,609,057</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2012

ĐVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 1/2012	QUÝ 1/2011	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ 1/2012	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ 1/2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	57,128,867,090	17,225,622,212	57,128,867,090	17,225,622,212
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		57,128,867,090	17,225,622,212	57,128,867,090	17,225,622,212
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	47,161,249,225	14,708,890,954	47,161,249,225	14,708,890,954
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9,967,617,865	2,516,731,258	9,967,617,865	2,516,731,258
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	45,675,479	136,842,278	45,675,479	136,842,278
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	2,457,749,690	709,852,699	2,457,749,690	709,852,699
-	<i>Trong đó :Chi phí lãi vay</i>			2,457,749,690	709,852,699	2,457,749,690	709,852,699
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,433,526,306	851,163,742	4,433,526,306	851,163,742
10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>3,122,017,348</b>	<b>1,092,557,095</b>	<b>3,122,017,348</b>	<b>1,092,557,095</b>
11	Thu nhập khác	31		-	-	-	-

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 năm 2012

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ I NĂM 2012	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ I NĂM 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	58,913,559,013	55,895,989,557
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-16,132,640,987	-8,133,647,839
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-7,927,992,478	-7,258,630,029
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-2,253,613,431	-3,084,747,007
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	8,883,897,305	3,332,384,899
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-37,278,567,898	-23,968,883,069
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4,204,641,524</b>	<b>16,782,466,512</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-27,270,000	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45,415,589	58,674,968
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>18,145,589</b>	<b>58,674,968</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5,660,957,071	6,379,732,206
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-24,607,121,035	-28,327,217,357
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-18,946,163,964</b>	<b>-21,947,485,151</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>-14,723,376,851</b>	<b>-5,106,343,671</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>18,058,266,009</b>	<b>13,459,072,102</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3,334,889,158</b>	<b>8,352,728,431</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Văn Hiếu

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, lắp đặt
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kv; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị; Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.
- Nhân viên**  
31 03 năm 2012 Công ty 434 .

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam  
– .
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được  
( ).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định là Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại***

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **14. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **17. Hợp đồng xây dựng**

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### **18. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **19. Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.154.602.747	3.578.514.830
Tiền gửi ngân hàng	1.180.286.411	3.479.751.179
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.334.889.158</u></b>	<b><u>18.058.266.009</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	97.447.009.469	78.376.202.128
Khách hàng mua điện, nước và dịch vụ khác	6.102.498.005	27.346.301.774
<b>Cộng</b>	<b><u>103.549.507.474</u></b>	<b><u>105.722.503.902</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	8.637.113.808	10.517.703.889
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	6.318.575.261	613.035.138
<b>Cộng</b>	<b><u>14.955.689.069</u></b>	<b><u>11.130.739.027</u></b>

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT phải thu nhân viên	269.092.520	886.703.392
Nguyễn Mạnh Hà	600.000.000	600.000.000
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư	399.175.379	522.245.922
Tiền lãi trái phiếu		66.207.500

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác	1.148.876.047	544.011.375
<b>Cộng</b>	<b>2.417.143.946</b>	<b>2.619.168.189</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.605.741.258	6.142.166.380
Công cụ, dụng cụ	278.859.336	262.205.622
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	89.107.011.165	72.544.299.108
<b>Cộng</b>	<b>98.991.611.759</b>	<b>78.948.671.110</b>
<b>6. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	23.144.966	30.859.955
Chi phí sửa chữa	22.581.817	8.578.169
<b>Cộng</b>	<b>45.726.783</b>	<b>39.438.124</b>
<b>7. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	16.081.360.102	9.931.091.361
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.512.453	50.252.563
<b>Cộng</b>	<b>16.131.872.555</b>	<b>9.981.343.924</b>
<b>8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.699.063.505	6.369.120.680
Tăng trong kỳ		
Điều chuyển nội bộ	561.851.575	
Giảm trong kỳ		
Điều chuyển nội bộ	561.851.575	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.699.063.505</b>	<b>6.369.120.680</b>
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	199.033.803	3.042.424.073
Tăng do khấu hao trong kỳ	65.019.402	191.470.079
Giảm trong kỳ		
<b>Thanh lý</b>		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>264.053.205</b>	<b>3.233.894.152</b>
	<b>3.506.350.719</b>	<b>404.282.765</b>
	<b>7.408.580.841</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					0
Số đầu năm	3.500.029.702	3.326.696.607	4.074.914.593	498.907.311	11.400.548.213
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.435.010.300</b>	<b>3.135.226.528</b>	<b>3.875.322.410</b>	<b>480.472.645</b>	<b>10.926.031.883</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 14.958.799.921 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Mua sắm TSCĐ	-	27.272.000		27.272.000
XDCB dở dang	161.000.000			161.000.000
- Công trình văn phòng Công ty	-			-
- Công trình văn phòng Chi nhánh 11.2	161.000.000			161.000.000
<b>Cộng</b>	<b>161.000.000</b>	<b>27.272.000</b>		<b>188.272.000</b>

### 10. Đầu tư vào công ty liên kết

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông	785.000	10.300.000.000	785.000	10.300.000.000
<b>Cộng</b>		<b>10.300.000.000</b>		<b>10.300.000.000</b>

### 11. Đầu tư dài hạn khác

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (*)	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>8.000.000.000</b>		<b>8.000.000.000</b>

(\*) Khoản đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà được chuyển đổi từ khoản đầu tư trái phiếu chuyển đổi theo quyết định số 1401/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 06 năm 2010 về việc điều chỉnh thời gian chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành năm 2009 thành cổ phiếu sau 12 tháng kể từ ngày phát hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>trong kỳ</u>	<u>vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ dụng cụ	173.480.559	27.909.077	39.989.262	161.400.374
Thương hiệu Sông Đà, Lợi thuế thương mại	1.481.250.000		56.250.000	1.425.000.000
CP mua Container CT nhà Quốc hội		64.000.000		64.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.654.730.559</b>			<b>1.650.400.374</b>

### 13. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược dài hạn

### 14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	58.635.617.853	59.227.454.474
+) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (a)	38.699.380.942	34.323.513.663
+) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (b)	-	4.919.626.726
+) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ (c)	19.936.236.911	19.984.314.085
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	2.000.000.000
+) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (d)		-
+) Vay Ông Hà Văn Cường (e)	1.000.000.000	1.000.000.000
+) Vay Ông Đỗ Quang Cường (e)	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	729.892.098	973.189.464
<b>Cộng</b>	<b>61.365.509.951</b>	<b>62.200.643.938</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và tài trợ thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc duy trì giá trị các khoản phải thu tối thiểu là 60.000.000.000 VND.
- (c) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Láng Hạ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1400-LAV-201000579 ngày 10/06/2011, số tiền vay tối đa là 20 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, lãi vay theo từng lần nhận nợ.
- (d) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo lãi suất không vượt quá lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng uy tín và năng lực của bên vay, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác,...
- (e) Khoản vay Ông Đỗ Quang Cường và Hà Văn Cường với lãi suất 17%/năm trong thời hạn 03 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	59.227.454.474	23.771.987.048	24.363.823.669	58.635.617.853
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000			2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	973.189.464		243.297.366	729.892.098
<b>Cộng</b>	<b><u>62.200.643.938</u></b>	<b><u>23.771.987.048</u></b>	<b><u>24.607.121.035</u></b>	<b><u>61.365.509.951</u></b>

### 15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	5.277.795.407	2.206.012.767
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	48.339.009.283	44.323.438.199
<b>Cộng</b>	<b><u>53.616.804.690</u></b>	<b><u>46.529.450.966</u></b>

### 16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khối lượng xây dựng, lắp đặt	24.421.561.648	30.172.888.865
Tiền mua điện, nước và dịch vụ khác		-
<b>Cộng</b>	<b><u>24.421.561.648</u></b>	<b><u>30.172.888.865</u></b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.016.649.324	4.716.690.205	5.605.179.834	5.128.159.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.247.217.777	791.703.643	-	5.038.921.420
Thuế thu nhập cá nhân	354.816.515	86.868.219	-	441.684.734
Thuế nhà đất	27.067.624	-	19.944.566	7.123.058
Các loại thuế khác	-	7.000.000	6.000.000	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.645.751.240</u></b>	<b><u>5.602.262.067</u></b>	<b><u>5.631.124.400</u></b>	<b><u>10.616.888.907</u></b>

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.093.977.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	72.836.912
- Các khoản điều chỉnh tăng	
+ Chi phí không được trừ	72.836.912
- Các khoản điều chỉnh giảm	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Thu nhập tính thuế	3.166.814.570
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>791.703.643</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>791.703.643</b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>2.079.493.207</u></b>

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả		173.935.498
Chi phí thuê nhà	12.000.000	12.000.000
Chi phí thuê máy	443.338.355	590.452.652
Khối lượng xây lắp tạm tính	13.909.194.974	8.784.916.982
Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu	4.210.955.262	4.156.955.339
Các khoản chi phí phải trả khác	2.577.720.992	603.135.316
<b>Cộng</b>	<b><u>21.153.209.583</u></b>	<b><u>14.321.395.787</u></b>

### 19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.752.697.484	1.988.008.786
Kinh phí công đoàn	1.082.384.673	990.265.584
Tiền cổ tức phải trả cho cổ đông	6.815.000.000	6.815.000.000
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù	94.543.570	94.543.570
Tiền vật tư ĐZ 220kV Đăk Mi 4	589.295.053	589.295.053
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	1.149.086.133	824.380.737
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình	1.884.330.312	3.385.568.056
Phải trả phải nộp khác	2.912.234.106	1.197.079.029
<b>Cộng</b>	<b><u>16.279.571.331</u></b>	<b><u>15.884.140.815</u></b>

### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
sau:		
Số đầu năm	121.680.766	(40.703.750)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		561.184.516
Tăng khác		-
Chi quỹ trong năm	79.750.000	(398.800.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>41.930.766</u></b>	<b><u>121.680.766</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	699.046.268	699.046.268
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Trung <sup>(a)</sup>	361.734.804	361.734.804
+ ) <i>Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD</i>	<i>154.819.581</i>	<i>154.819.581</i>
+ ) <i>Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD</i>	<i>206.915.223</i>	<i>206.915.223</i>
Vay dài hạn ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội <sup>(b)</sup>	337.311.464	337.311.464
+ ) <i>Hợp đồng tín dụng số 207-01.07.10/HĐTĐTDH/TPB.HN</i>	<i>337.311.464</i>	<i>337.311.464</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>699.046.268</u></b>	<b><u>699.046.268</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hai hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”, giá trị tài sản tạm tính: 948.501.273 VND.

#### *Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	699.046.268	699.046.268
Trên 5 năm	-	-
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>699.046.268</u></b>	<b><u>699.046.268</u></b>

#### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền đã trả trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	699.046.268	-	-	699.046.268
<i>Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung</i>	<i>361.734.804</i>	-	-	<i>361.734.804</i>
<i>Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>337.311.464</i>	-	-	<i>337.311.464</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>699.046.268</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>699.046.268</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	391.525.524	282.819.808
Số trích lập trong năm	-	108.705.716
Số chi trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>391.525.524</u></b>	<b><u>391.525.524</u></b>

### 23. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ xây dựng, lắp đặt.

### 24. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	5.000.000.000	2.519.993.850	481.338.742	9.353.075.283	67.354.407.875
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	8.176.869.420	8.176.869.420
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	1.824.237.003	467.653.764	-2.853.075.283	-561.184.516
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-6.500.000.000	-6.500.000.000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>4.344.230.853</u></b>	<b><u>948.992.506</u></b>	<b><u>8.176.869.420</u></b>	<b><u>68.470.092.779</u></b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	4.344.230.853	948.992.506	8.176.869.420	68.470.092.779
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	2.302.274.015	2.302.274.015
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	0
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	0
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>4.344.230.853</u></b>	<b><u>948.992.506</u></b>	<b><u>10.479.143.435</u></b>	<b><u>70.772.366.794</u></b>

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.850.000	4.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.850.000	4.850.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

#### 1. Doanh thu

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
Doanh thu kinh doanh điện	1.437.571.553	1.934.412.000
Doanh thu bán vật tư	105.484.639	58.265.040
Doanh thu hoạt động xây dựng	52.935.882.666	12.825.155.060
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.649.928.232	2.407.790.112
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>57.128.867.090</u></b>	<b><u>17.225.622.212</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
Giá vốn của hoạt động kinh doanh điện	1.369.111.028	2.508.354.854
Giá vốn hoạt động bán vật tư	84.203.577	55.137.371
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	44.053.624.739	11.574.509.101
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.654.309.881	570.889.628
<b>Cộng</b>	<b><u>47.161.249.225</u></b>	<b><u>14.708.890.954</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	45.675.479	43.450.128
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	15.225.000
Lãi đầu tư trái phiếu	-	-
Lãi chậm trả	-	78.167.150
<b>Cộng</b>	<b><u>45.675.479</u></b>	<b><u>136.842.278</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.595.599.908	455.667.713
Chi phí vật liệu quản lý	400.323.412	68.966.657
Chi phí đồ dùng văn phòng	86.911.788	13.690.583
Chi phí khấu hao TSCĐ	259.421.018	52.684.397
Thuế, phí và lệ phí	30.017.801	4.118.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.304.491	99.962.071
Chi phí bằng tiền khác	797.947.888	156.019.302
<b>Cộng</b>	<b><u>4.433.526.306</u></b>	<b><u>851.108.742</u></b>

#### 6. Chi phí khác

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	19.551.614	8.516.201
Tiền phạt thuế	150.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
Tiền phạt hành chính	8.338.076	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>28.039.690</u></b>	<b><u>10.516.201</u></b>

  

	<u>Quý 1 Năm 2011</u>	<u>Quý 1 Năm 2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.302.274.015	797.376.300
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.302.274.015	797.376.300
Tổng số cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>460</u></b>	<b><u>159</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tiền lương	239.516.036
Phụ cấp	91.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>331.016.036</u></b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông	Công ty liên kết

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>		
Giao dịch bán hàng		
<i>Khối lượng Công trình thực hiện trong năm</i>	5.011.268.617	1.566.171.710
<i>Thuế GTGT</i>	501.126.862	156.617.171
Giao dịch mua hàng		
<i>Tiền phí bảo lãnh</i>	246.803.668	95.732.971
<i>Thuế GTGT</i>	-	-
Giao dịch khác		
<i>Tiền cổ tức phải trả công ty mẹ</i>	2.340.000.000	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</b>	-	-
<b>Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bùng</b>	-	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	13.104.870.269	21.823.900.290
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</b>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	447.293.178	447.293.178
<b>Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bùng</b>		
Phải thu khối lượng xây lắp	2.425.958.626	2.425.958.626
Phải thu tiền điện	5.198.445	5.198.445
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>15.983.320.518</b>	<b>24.702.350.539</b>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	967.779.575	3.760.512.006
Phải trả tiền khối lượng	690.565.674	-
Phải trả tiền khối lượng, vật tư		722.749.308
Tiền cổ tức phải trả	2.340.000.000	2.340.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>3.998.345.249</b>	<b>6.823.261.314</b>

### 3. Tài sản đảm bảo

#### **Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<b>Tài sản thế chấp</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Điều khoản và điều kiện thế chấp</b>
<b>Số cuối năm</b>		
Tài sản cố định là trụ sở làm việc và một số máy móc thiết bị	14.958.799.921	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
<b>Cộng</b>	<b>14.958.799.921</b>	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2012**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

---

**Đoàn Văn Hiếu**

---

**Trần Thanh Giang**

---

**Lê Văn Tuấn**

Số: /TCKT-DAC

V/v: Giải trình chênh lệch 10%  
lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm ngoái

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2012

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG
2. Mã chứng khoán: **SEL**
3. Đ/c trụ sở chính: BT03 VT24, KĐT Xa La, Hà Đông, HN
4. Điện thoại: 0422 463 216 Fax : 0433 554 511
5. Người công bố thông tin: **Lê Văn Tuấn**
6. Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2012 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long được lập ngày 15/04/2012 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
- Nội dung giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái:

Theo BCTC Quý 1 năm 2012 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng so với cùng kỳ năm trước hơn 10% Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long xin giải trình cụ thể như sau: Do doanh thu của Công ty Quý 1 năm 2012 so với Quý 1 năm 2011 tăng 231,65%, trong khi đó Giá vốn của Quý 1 năm 2012 so với Quý 1 năm 2011 tăng 220,63% dẫn tới lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2012 so với cùng kỳ năm 2011 tăng 188,73%. Trong Quý 1 năm 2011, một số công trình thi công của Công ty vướng mắc về nghiệm thu thanh toán nên chưa lên được hồ sơ nghiệm thu thanh toán như CT Xêcaman 3, CT Xêcaman 1... nên trong Quý 1 năm 2011 doanh thu chỉ đạt 17,255 tỷ đồng do vậy lợi nhuận trước thuế Quý 1 năm 2011 chỉ đạt 1,082 tỷ đồng. Quý 1 năm 2012, doanh thu của Công ty đạt 57,128 tỷ đồng tăng so với cùng kỳ năm trước 231,65% và lợi nhuận trước thuế đạt 3,094 tỷ đồng tăng so với cùng kỳ năm trước 186,04% do trong cuối năm 2011 và đầu năm 2012, Công ty tập trung thi công một số công trình trọng điểm như ĐZ 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông, CT ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh, CT Đồng Nai 5... và tập trung lên hồ sơ nghiệm thu thanh toán xác định doanh thu do vậy kết quả Quý 1 năm 2012 có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái.

Với nguyên nhân trên đã làm cho lợi nhuận Quý 1 năm 2012 của Công ty có sự biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC Quý 1 năm 2012: [www.selco.com.vn](http://www.selco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC;
- Web [www.selco.com.vn](http://www.selco.com.vn)